TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày: 23 - 4 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Dân
2. Ông Thiệu Khắc Yên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện VKSND huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 01/2018/TLST - HS ngày 16 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-QĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn B, sinh ngày 17 tháng 02 năm 1972, sinh và trú tại: Thôn Minh Tiền, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Lê Thị N1; Có vợ: Phạm Thị H và 2 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2006; không tiền án, tiền sự; không bị tạm giữ, tạm giam; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Trọng V, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1984, sinh và trú tại: Thôn Vũ Yên 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Trọng K và bà Nguyễn Thị B; có vợ: Đỗ Thị P và 2 con, lớn sinh năm: 2007, nhỏ sinh năm: 2014; không tiền án, tiền sự; không bị tạm giữ, tạm giam; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Đức T, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1985, sinh và trú tại: Thôn Vũ Yên 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ

văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Đức T1 (đã chết); con bà: Lường Thị H1; có vợ: Hoàng Thị Y và 3 con; lớn nhất sinh năm: 2005; nhỏ nhất sinh năm: 2017; không tiền án, tiền sự; không bị tạm giữ, tạm giam; hiện tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Đắc T2, sinh ngày 21 tháng 11 năm 1997; sinh và trú tại: Thôn Tập Cát 3, trị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Đắc T3; con bà: Lê Thị H2; chưa có vợ, con; không tiền án tiền sự; không bị tạm giam, tạm giữ; hiện tại ngoại tại; có mặt phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Đức T: Bà Nguyễn Thị Q - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

- Bị hại: Anh Lường Khắc S, sinh năm 1971 (có mặt);

Trú tại: Thôn Thanh Bình, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Lê Văn H3, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Yên Bái, xã T4, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

2. Lê Đình T5, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Vũ Yên 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

3. Hoàng Ngọc T6, sinh năm: 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Minh Trường, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

4. Phạm Thị H, sinh năm: 1979 (có mặt)

5. Hoàng Đình S1 (vắng mặt)

6. Nguyễn Văn Đ (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Minh Tiền, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

7. Trần Thị T7, sinh năm: 1974 (có mặt)

8. Đỗ Văn Đ1, sinh năm: 1973 (có mặt)

9. Lường Khắc S2, sinh năm: 1975 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Thanh Bình, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nghi ngờ từ trước giữa vợ mình là Phạm Thị H và Lường Khắc S có quan hệ tình cảm với nhau nên khoảng 19 giờ 00 phút ngày 25/12/2016 Nguyễn Văn B nhìn thấy S điều khiển xe mô tô chở H đi về hướng thị trấn N, B đoán S và H sẽ đi đến nhà nghỉ để quan hệ tình dục nên có gọi điện cho Lê Trọng V (là con chị gái B)

nhờ V đi tìm S và H tại các nhà nghỉ ở thị trấn N. B về nhà lấy xe mô tô đi tìm S và H theo hướng thị trấn N. V điều khiển xe mô tô đến nhà nghỉ Cao Cường ở thị trấn N tìm nhưng không thấy. V gọi điện thoại cho Lê Đức T (bạn của V) hẹn T ra ngã ba Thái Hòa để gặp và cùng V đến nhà nghỉ Viên Xinh ở thị trấn N tìm nhưng cũng không thấy. Sau đó B, V và T gặp nhau tại ngã ba Thái Hòa. B và V nói cho T biết việc H đi với S và nhờ T đi tìm luôn. T hỏi B nếu tìm được S và H thì có đánh không. B trả lời là có. Sau đó V, B, T chia nhau tìm tại các nhà nghỉ trên địa bàn thị trấn N nhưng không thấy. B quay xe về khu vực Cống sông thuộc Thôn Liên Minh, xã M để phục đón, còn V và T đi xe về nhà. Khoảng 20 giờ cùng ngày B gọi điện cho V nói đã nhìn thấy S và H. V điều khiển xe đi về hướng Thôn Minh Tiền, xã M và gọi điện cho T nói: "*Cậu bảo tìm thấy rồi, hai anh em ta quay xuống tí''*. V gọi điện cho Lê Đình T5 *"Chú đi xuống chỗ thôn Minh Tiền anh nhờ tí việc''*. Lúc này T5 đang chơi điện tử cùng Lê Văn H3 và Lê Đắc T2, T5 rủ H3 và T2 đi cùng. H3 điều khiển xe mô tô của mình chở T5 và T2 đi xuống xã M. Khi đi T2, H3, T2 đều không biết V nhờ việc gì. Đến đầu đường bê tông thuộc thôn Minh Tiền, V gặp T5, T2, H3. V bảo T2 lên xe V ngồi, T5 và H3 đi một xe. Đến đoạn đường giữa đê Minh Tiền thì cả 4 người gặp B. B chỉ cho V hướng S và H đi và bảo V đuổi theo. Lúc này T cũng đi xe mô tô đến. V chở T2 đi theo hướng lên đê Minh Tiền còn T, B, T5 và H3 mỗi người đi một hướng. Khi V và T2 đi đến bờ đê Minh Tiền thì gặp S. V điều khiển xe chặn trước phần đầu xe của S làm S ngã, sau đó S đứng lên bỏ chạy thì V đuổi theo và nhặt được một cây gậy bên đường tiếp tục đuổi theo S. Khi đến gần S, V dùng tay trái cầm gậy đập một cái theo chiều từ trái qua phải vào vùng thái dương gần mắt trái của S làm đoạn gậy bị gãy làm hai phần. V dùng đoạn gậy còn lại đập nhiều cái vào đỉnh đầu của S. Lúc này T2 đang đứng chỗ xe mô tô nghe tiếng kêu nên T2 đi lại và dùng tay đấm vào bụng S. V gọi điện báo cho B biết, B nói đưa S vào nhà B. Lúc này T, H3 và T5 cũng đến nơi. V và T chở Svề nhà B. Đến nhà B, S đứng ngoài sân, B từ trong nhà đi ra dùng tay tát vào mặt S, dùng chân đá vào người. Sau đó B đi vào nhà. S đi ra ngõ thì T chạy theo đá 2 cái vào mông, đùi S. S được mọi người đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa Nông Cống và bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa rồi chuyển đến bệnh viện mắt trung ương điều trị.

Tại bệnh án số 3445/2016/CT của bệnh viện mắt TW thể hiện: Vào viện ngày 26/12/2016, chuẩn đoán mắt phải bình thường, mắt trái: Chấn thương vỡ nhãn cầu phòi kẹt mất tổ chức nội nhãn. Phương pháp điều trị: Khâu củng mạc cấp cứu, khâu mi. điều trị đến ngày 04/01/2017 ra viện. Ngày 05/01/2017 Sang được chuyển về điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa. Tại bệnh án số 78933 của bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa thể hiện vào viện lúc 10giờ 15phút ngày 05/01/2017, chẩn đoán mắt trái suất huyết nội nhãn, vỡ nhãn cầu cực sau do bị đánh. Điều trị đến ngày 16/01/2017 ra viện.

Sau khi gây thương tích cho S, ngày 26/12/2016 V đã đến Công an huyện Nông Cống đầu thú; ngày 27/12/2016 T đến công an xin đầu thú; ngày 13/9/2017 T2 đến Công an huyện Nông Cống xin đầu thú.

Ngày 23/3/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Nông Cống đã ra quyết định số 43/CSĐT trưng cầu giám định pháp y tỉnh Thanh Hóa giám định tỷ lệ phần trăm tổn hại sức khỏe do thương tích gây ra cho Lường Khắc S. Tại bản kết luận giám định số 96/2017/TTPY ngày 27/3/2017, tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra của S cụ thể là:

- Chấn thương vùng mắt trái làm vỡ nhãn cầu cực sau mắt trái, xuất huyết nội nhãn, đã được điều trị; hiện tại thị lực mắt trái ánh sáng âm tính; hình ảnh nhãn cầu bên trái teo nhỏ hơn bên phải 41% (Thông tư 20/2014/TT-BYT; Bảng 1; chương 11; bảng tỉ lệ tổn thương cơ thể do giảm thị lực vì tổn thương thực thể cơ quan thị giác).

- Các sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh chẩm bên phải, vùng bờ dưới mi mắt trái; số lượng sẹo ít, kích thước nhỏ 3% (Thông tư 20/2014/TT-BYT; bảng 1; chương 9 mục I;1)

Hiện tại tổn thương cơ thể do thương tích gây nên theo phương pháp xác định tổn thương cơ thể (Điều 4 Thông tư 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014-BYT) là 43%

Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và đã liên đới bồi thường cho bị hại một phần thiệt hại là 20.000.000đ.

Vật chứng vụ án:

- 01 đoạn gậy gỗ dài 31cm, rộng 4cm, tiết diện tròn dạng thẳng thu tại vườn nhà B.

- 01 điện thoại Nokia 1280 màu tím (cũ) của B dùng để gọi điện cho V;

- 01 điện thoại Xphone X6216C màu xám đen (cũ) của V dùng để gọi điện cho T;

- 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel A119 màu đen đã qua sử dụng của T;

Ngoài ra Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống còn thu giữ tại nhà B gồm: 01 điện thoại SAMSUNG DUOS màu trắng của S và 01 xe môtô biển kiểm soát 36M1-5042 mang tên Lường Khắc S. Cơ CSĐT đã trả lại điện thoại và chiếc xe môtô cho Lường Khắc S nhưng S không nhận.

Toàn bộ vật chứng và tài sản thu tại nhà Bảy đã được chuyển đến Chi cục THADS huyện Nông Cống chờ xử lý.

Tài sản thu giữ đã trả cho chủ sở hữu gồm:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 36L1-0819 B mượn của ông L, Sau khi xác minh, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ sở hữu là Hoàng Đình L.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 36P2-6374 T mượn của anh Đ2. Sau khi xác minh, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho Lê Ngọc Đ2.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 36M8-7633 chủ sở hữu Đỗ Ngọc L. Sau khi xác minh Cơ quan CSĐT đã trả lại cho anh L.

Phần dân sự:

Lường Khắc S yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại gồm:

- Tiền thuê xe đi lại trong quá trình điều trị ở Bệnh viện Đa khoa huyện Nông Cống, đa khoa tỉnh Thanh Hóa, bệnh viện Mắt TW tổng là 8.200.000đ

- Tiền viện phí, tiền thuốc điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hoá, bệnh viện Mắt TW là 4.936.000đ

- Tiền tái khám: 850.000đ

- Tiền mất thu nhập: 23 ngày x 300.000đ/ngày = 6.900.000đ.

- Tiền ăn 23 ngày x 130.000đ/ngày = 2.990.000đ.

- Tiền ăn của người chăm sóc 23 ngày x 130.000đ/ngày = 2.990.000đ

- Tiền thuốc điều trị sau khi ra viện = 5.278.000đ

- Tiền thuốc Bắc điều trị sau khi ra viện = 3.800.000đ

- Tiền ăn trong các lần đi tài khám = 1.200.000đ

- Tiền sữa sử dụng trong quá trình điều trị = 5.760.000đ

- Tiền mua đồ dùng sinh hoạt (2 Bệnh viện) = 2.000.000đ

- Tiền mất thu nhập của chị Thủy (vợ Sang) do xin nghỉ việc 5 tháng: 2.482.000đ x 5 tháng = 12.410.000đ

- Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần = 250.000.000đ

Tổng số tiền S yêu cầu bồi thường là 307.314.000đ

Hiện nay các bị cáo đã bồi thường được 20.000.000đ, số còn lại yêu cầu phải bồi thường tiếp.

Tại bản cáo trạng số 03/CTr -VKS ngày 16/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện Nông Cống đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn B, Lê Trọng V, Lê Đức T. Lê Đắc T2 về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 3 Điều 104 (thuộc điểm a khoản 1 Điều 104) Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Ngày 26/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Nông Cống nhận được đơn đề nghị của Lường Khắc S. Nội dung: Bị hại và các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường tiếp cho bị hại 50.000.000đ. Bị hại đã nhận đủ và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về trách nhiệm hình sự: Bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, ăn năn, hối cải, hứa sửa chữa, không tái phạm và xin giảm nhẹ hình phạt được cải tạo tại địa phương để có điều kiện lao động trả số tiền vay để bồi thường cho người bị hại.

- Bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm khoản nào và xin được nhận lại tài sản là chiếc xe máy và điện thoại đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Đức T đề nghị HĐXX Áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47, Điều 60 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 phạt bị cáo từ 28 tháng tù đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi; đề nghị miễn án phí HSST cho bị cáo.

- Kiểm sát phát biểu lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố và căn cứ khoản 3 Điều 104 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS). Áp dụng Điều 20; Điều 33; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 BLHS; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015: Đề nghị HĐXX phạt bị cáo B và bị cáo V mỗi bị bị cáo từ 42 tháng đến 48 tháng tù. Áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47, Điều 60 BLHS; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 đề nghị HĐXX phạt bị cáo T từ 30 tháng đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi; bị cáo T2 từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận các bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận xong nên không xem xét. Về vật chứng: Đề nghị trả lại 1 xe mô tô và 1 điện thoại cho anh S. tịch thu sung quỹ 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280 màu tím đã qua sử dụng; 01 điện thoai Xphone X6216C màu xám đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel A119 màu đen đã qua sử dụng; tịch thu tiêu hủy 01 đoạn gậy gỗ tiết diện tròn, thẳng dài 31cm, rộng 4 cm. Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho bị cáo T, 3 bị cáo còn lại phải chịu án phí HSST.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người làm chứng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ được trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở chứng minh: Vào khoảng 20 giờ ngày 25/12/2016 tại khu vực bờ đê thuộc địa phận thôn

Minh Tiền, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa các bị cáo: Lê Trọng V, Lê Đức T, Nguyễn Văn B, Lê Đắc T2 đã có hành vi đồng phạm dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho Lường Khắc S, hậu quả Lường Khắc S bị tổn hại 43% sức khỏe. Hành vi của các bị cáo phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" với tình tiết định khung tăng nặng "dùng hung khí nguy hiểm" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 104 BLHS (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS). Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo V, T, B, T2 về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 3 Điều 104 BLHS (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS) là đúng người, đúng tội, phù hợp quy định pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp sức khỏe của người khác là khách thể quan trọng được luật hình sự bảo vệ. Sức khỏe của con người là quý giá, mọi hành vi xâm phạm trái phép đến sức khỏe của người khác đều bị xử lý nghiêm. Các bị cáo do không kìm chế được bản thân, không bình tĩnh xử lý công việc liên quan đến bảo vệ hạnh phúc gia đình của bị cáo B nên đã vi phạm pháp luật, gây thương tích cho người bị hại. Hành vi đó cần xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để trừng trị, giáo dục các bị cáo thành người tốt và răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Bị cáo B là người khởi xướng, bị cáo V là người thực hành chính, bị cáo T và T2 với vai trò đồng phạm giúp sức. Tất cả các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm về hành vi gây thương tích cho Lường Khắc S.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả 4 bị cáo đều có chung tình tiết giảm nhẹ: Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS; Các bị cáo V, T, T2 có chung tình tiết giảm nhẹ sau khi phạm tội đã đầu thú, bị cáo T có thêm tình tiết giảm nhẹ bố đẻ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS.

Về nhân thân các bị cáo không có tiền án, tiền sự là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định rỏ ràng.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành BLHS năm 2015 thì thấy: Tại khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015 quy định tội "Cố ý gây thương tích" có mức hình phạt

khởi điểm từ 5 năm tù đến 10 năm tù, thấp hơn mức hình phạt của khoản 3 Điều 104 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 . Vì vậy, các bị cáo được áp dụng hình phạt theo hướng có lợi được quy định tại khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015.

[6] Với nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, HĐXX thấy cần áp dụng Điều 47 BLHS quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của bộ luật cho cả 4 bị cáo là phù hợp với chính sách hình sự của Nhà nước ta hiện nay.

[7] Trên cơ sở tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, hậu quả pháp lý mà các bị cáo đã gây ra cho bị hại và tác động xã hội thì thấy. Cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo B và bị cáo V một thời gian để cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt là phù hợp với quy định tại Điều 33 BLHS. Đối với bị cáo T và bị cáo T2 áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách dưới sự giám sát của chính quyền nơi thường trú cũng đủ để các bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho bản thân, gia đình và xã hội là phù hợp với quy định tại Điều 60 BLHS.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Công nhận các bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường. Người bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường và không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

Trả lại cho bị cáo T và bị cáo T2 số tiền đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống.

[9] Về vật chứng vụ án:

- Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung và 01 xe mô tô BKS 36M1-5042 cho chủ sở hữu là anh Lường Khắc S.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280 màu tím đã qua sử dụng; 01 điện thoai Xphone X6216C màu xám đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel A119 màu đen đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn gậy gỗ, tiết diện tròn, thẳng dài 31cm, rộng 4 cm.

[10] Về án phí: Bị cáo Lê Đức T thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí HSST. 3 bị cáo còn lại mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B, Lê Trọng V, Lê Đức T, Lê Đắc T2 phạm tội "Cố ý gây thương tích"

Áp dụng khoản 3 Điều 104 BLHS (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS); Điều 33; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 134; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Lê Trọng V 40 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 40 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng khoản 3 Điều 104 BLHS (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS); điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47; Điều 60 BLHS năm năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 134; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Lê Đức T 30 tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/4/2018).

- Xử phạt bị cáo Lê Đắc T2 24 tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/4/2018).

Giao các bị cáo T và T2 cho UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận các bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường cho bị hại.

Trả lại cho bị cáo: Lê Đức T 5.000.000đ đã nộp tại Chi cục THADS huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2010/006700 ngày 23/3/2018; trả lại cho Lê Đắc T2 5.000.000đ đã nộp tại Chi cục THADS huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2010/006699 ngày 23/3/2018.

Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS: Trả lại cho Lường Khắc S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung và 01 xe mô tô BKS 36M1-5042 (đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/01/2018 giữa Công an huyện Nông Cống và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống).

Áp dụng điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu, sung quỹ 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280 màu tím đã qua sử dụng; 01 điện thoai Xphone X6216C màu xám đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel A119 màu đen đã qua sử dụng. Tịch thu, tiêu hủy 01 đoạn gậy gỗ, tiết diện tròn, thẳng dài 31cm, rộng 4 cm (đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/01/2018 giữa Công an huyện Nông Cống và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội: Miễn toàn bộ án phí HSST cho Lê Đức T. Buộc các bị cáo Lê Trọng V, Nguyễn Văn B, Lê Đắc T2 mỗi người phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST.

Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo**;**
- Bị hại;
- Người bào vệ cho bị cáo Thuận;
- VKS huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở Tư pháp tỉnh TH;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT. TT13

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình